TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22 /2023/QĐST- DS	*Long Hồ, ngày 17 tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 324/2022/TLST – DS, ngày 14 tháng 11 năm 2022

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1952

Địa chỉ: 353A/21 Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh vĩnh Long;

2/ Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1957

Địa chỉ: số 27A, L, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp của bà L, bà L1 là anh Lê Minh H, sinh năm 1998; địa chỉ: số 173 P, Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 05/7/2022 tại Văn phòng công chứng Tạ Thị Thật) (có mặt)

**** Bị đơn***: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1959

Địa chỉ: 353A/21 Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh vĩnh Long;

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1951

Địa chỉ: số 219/13 ấp C, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1955

Địa chỉ: số 200/3 ấp M, thị trấn T, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

3/ Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1964

Địa chỉ: số 90/6 ấp D, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận di chúc của bà Đoàn Thị N lập ngày 08/7/2010 tại Phòng công chứng số 1 – tỉnh Vĩnh Long là di chúc hợp pháp. Chia thừa kế theo di chúc của cụ N cho bà Phạm Thị D, Phạm Thị L, Phạm Thị L cụ thể như sau :

1/ Bà Phạm Thị D nhận phần đất diện tích 3.379,2m^2 loại đất CLN, thuộc tách thửa 156 - 3, tờ bản đồ số 15 (gồm các mốc 1,2,3,4,13,11,12, 1) tọa lạc tại Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

2/ Phạm Thị L1 nhận phần đất có diện tích 2.625m^2 thuộc tách thửa 156 - 2, tờ bản đồ số 15, loại đất CLN (gồm các mốc 4, 5, 6, 9, 10, 11, 13, 4), tọa lạc tại Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Buộc bà Phạm Thị L có trách nhiệm giao cho bà Phạm Thị L1 quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 2.625m^2 thuộc tách thửa 156 - 2, tờ bản đồ số 15, loại đất CLN (gồm các mốc 4, 5, 6, 9, 10, 11, 13, 4), tọa lạc tại Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

3/ Bà Phạm Thị L nhận phần đất diện tích 1.203,9m^2, loại đất ONT + CLN (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn và 903,9m^2 đất cây lâu năm)thuộc tách thửa 156-1, tờ bản đồ số 15 (gồm các mốc 6, 7, 8 , 9, 6) và phần đất có diện tích 3.690,3m^2, loại đất CLN, thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 15, (gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 1) cùng tọa lạc tại Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với căn nhà bà D đang ở hiện trạng nằm trên thửa đất số 174 (trên phần đất bà L được hưởng theo di chúc), Các đương sự thống nhất cho bà D được tiếp tục ở đó cho đến khi cuối đời. Bà D không được chuyển quyền sở hữu căn nhà (tặng cho, chuyển nhượng,..) cho bất kỳ người nào khác.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Hồ)

Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật

* Về chi phí tố tụng:

- Chi phí khảo sát, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 6.690.680đ (Sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn sáu trăm tám mươi đồng). Bà Phạm Thị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí khảo sát, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Lan đã nộp xong

- Về án phí: Bà Phạm Thị L, Phạm Thị L1, Phạm Thị D là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 , Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện